

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2026/HS-ST

Ngày 24 tháng 3 năm 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trịnh Xuân Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Luân

Ông Bùi Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Khánh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: ông Hà Văn Nhiên và ông Nguyễn Văn Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thanh Hóa và điểm cầu thành phần: Trụ sở Phân trại tạm giam Quan Hóa, xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức xét xử trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 09/2026/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2026/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2026; đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn S**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1994, tại tỉnh Thanh Hóa; Căn cước công dân số [REDACTED]; nơi cư trú và chỗ ở trước khi bị bắt: bản X, xã N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Thiều Thị T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/7/2025 đến ngày 12/01/2026 thì được hủy bỏ biện pháp tạm giam để đưa đi giám định tâm thần. Đến ngày 10/02/2026 bị cáo tiếp tục bị tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa; bị cáo có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: ông Hà Văn Khôi - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo: ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1962 và bà Thiều Thị T, sinh năm 1964; đều địa chỉ: bản X, xã N, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác tại điểm cầu thành phần:

1. Bà Bàn Thị Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thanh Hoá.

2. Ông Nguyễn Văn Tú - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11

- Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 23/7/2025, Nguyễn Văn S, sinh năm 1994, cư trú tại bản X, xã N, tỉnh Thanh Hóa có nhu cầu sử dụng ma túy nhưng không biết chỗ mua, đã gọi điện thoại bằng ứng dụng Messenger cho bạn của mình là Vi Văn T (tên hiển thị là “T Culeng”), sinh năm 2008, trú tại xã Na Mèo, tỉnh Thanh Hóa để nhờ T mua giúp. Khi đó T đang làm việc ở tỉnh Hải Phòng nên không đi mua giúp Sơn được. Để giúp Sơn thì T đã gọi điện thoại bằng ứng dụng Messenger cho Lò Văn T2 (tên hiển thị là “T2”), sinh năm 2007 là bạn của T để nhờ T2 mua ma túy giúp Nguyễn Văn S. Khi liên lạc với Lò Văn T2 bằng ứng dụng Messenger T hỏi T2 lúc này “bây giờ có mua được ma túy (giúp T) được không” thì T2 trả lời là “có”. Qua trao đổi, T nói rõ mục đích nhờ T2 mua ma túy giúp bạn của T là Nguyễn Văn S với số tiền khoảng 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Do quen biết T và cũng có mong muốn được sử dụng cùng số ma túy mua được nên T2 đồng ý mua ma túy giúp Nguyễn Văn S qua giới thiệu của T. Sau đó, T2 và T bàn bạc, thống nhất với nhau là T2 hẹn gặp Sơn ở ngã ba bản Bo Hiềng, là nơi giao nhau giữa đường QL217 và đường vào bản Bo Hiềng để Sơn đưa tiền cho T2 đi mua ma túy. Do Sơn và T2 không quen biết nhau T đã gửi cho Lò Văn T2 số điện thoại của Nguyễn Văn S (số 0974987487) và gửi ảnh cùng địa chỉ mạng xã hội facebook của Nguyễn Văn S (tên hiển thị là “Dân chơi thứ thiệt”) để T2 tiện nhận biết và liên lạc với S. Lúc này, T2 đang uống bia cùng bạn của mình là Vi Văn H, sinh ngày 18/02/2009, trú tại bản Bo Hiềng, xã Mường Mìn, tỉnh Thanh Hóa tại một quán bia ở xã Na Mèo. H cũng biết T2 vừa nhận lời đi mua ma túy giúp bạn của T2. Do có mong muốn được sử dụng chung số ma túy mua được, nên khi T2 rủ H cùng đi mua ma túy với mình thì H đồng ý. Rồi T2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu đen trắng, mang BKS: 36H7-023.55 chở Vi Văn H đến ngã ba Bo Hiềng gặp S. Đến nơi hẹn, T2 thấy Sơn đã đứng đợi ở đó nên đi đến gặp S. Gặp và nhận biết nhau thì S đưa cho T2 một tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng rồi nói “mua giúp anh”. T2 nhận tiền rồi đưa cho H cầm, rồi lái xe đi lên đường mòn biên giới Việt Nam - Lào, thuộc bản Cha Khót, xã Na Mèo, tỉnh Thanh Hóa. Đến nơi, T2 để xe lại ven đường mòn rồi cùng Vi Văn H đi bộ vượt qua biên giới Việt Nam - Lào, sang địa phận nước CHDCND Lào. Đi được một đoạn khoảng 20 mét thì T2 và H gặp một người đàn ông người Lào không rõ danh tính, đòi T2 và H đưa số tiền 150.000 đồng rồi mới cho đi qua. H lấy tờ 500.000 đồng (của Nguyễn Văn S) ra đưa cho người đàn ông đó rồi nhận lại 350.000 đồng. Sau đó, T2 và H tiếp tục đi thêm khoảng 1 km thì gặp một người đàn ông người Lào khác. Qua trao đổi bằng tiếng dân tộc Thái thì H biết người đó bán ma túy. H lấy 350.000 đồng còn lại đưa cho người bán ma túy đó và nhận lại 01 gói ni lông. T2 và H mở ra kiểm tra thấy bên trong có 30 viên ma túy hồng phiên, là các viên dạng nén màu hồng, bề mặt mỗi viên in chữ WY. T2 gói số ma túy đó lại rồi cất vào người. Sau khi bán ma túy cho T2 và H thì người đàn ông người Lào cho T2

và H thêm 03 viên ma túy hồng phiên để sử dụng thử. T2 lấy 02 viên, H lấy 01 viên rồi mượn dụng cụ của người đàn ông người Lào và mỗi người tự tìm nơi sử dụng hết số ma túy được cho. Sử dụng xong, T2 và H cất ma túy rồi đi về phía Việt Nam lấy xe để đi về. T2 bỏ ma túy vào cốp xe của mình rồi đèo H đi về. Đi đến đoạn đường biên giới thuộc bản Cha Khót, xã Na Mèo thì bị Tổ công tác của Công an xã Na Mèo phối hợp cùng Đoàn Biên phòng Cửa khẩu quốc tế Na Mèo kiểm tra hành chính và phát hiện trong cốp xe mô tô 01 gói nilon màu trắng bên trong chứa 30 viên nén màu hồng, bề mặt mỗi viên in chữ “WY”. Tổ công tác đã đưa các đối tượng cùng tang vật, phương tiện về trụ sở và lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại Kết luận giám định số 2644/KL-KTHS ngày 25/7/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: *“30 (ba mươi) viên nén màu hồng, bề mặt mỗi viên in chữ WY của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 2,987g (hai phẩy chín tám bảy gam) loại: Methamphetamine”*.

Ngày 28/7/2025, Vi Văn T biết Lò Văn T2 đã bị bắt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đối với số ma túy đã mua giúp Nguyễn Văn S. Biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Vi Văn T đã ra đầu thú tại Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 29/7/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa ra quyết định khởi tố bị can và bắt tạm giam đối với Nguyễn Văn S để điều tra về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Ngày 14 tháng 10 năm 2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa đã kết luận và đề nghị Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Thanh Hóa truy tố các bị can Nguyễn Văn S, Lò Văn T2, Vi Văn H và Vi Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2025).

Ngày 10 tháng 12 năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự để xét xử Nguyễn Văn S, Lò Văn T2, Vi Văn H, Vi Văn T với tội danh như Viện kiểm sát đã truy tố. Tại phiên tòa, phát sinh tình tiết mới: Bà Thiệu Thị T, mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Văn S trình bày: bị cáo Nguyễn Văn S bị tai nạn giao thông năm 2013, sau đó bị khuyết tật nặng và có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, hiện đang hưởng trợ cấp khuyết tật hàng tháng. Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thanh Hóa ra Quyết định tạm ngừng phiên tòa để gia đình bị cáo Nguyễn Văn S giao nộp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc bị cáo Nguyễn Văn S bị khuyết tật nặng. Ngày 11/12/2025, bà Thiệu Thị T nộp “Giấy xác nhận khuyết tật của Nguyễn Văn S”, do Ủy ban nhân dân xã Na Mèo cấp vào năm 2015, có nội dung: xác nhận Nguyễn Văn S bị “khuyết tật nặng” và dạng khuyết tật là “tâm thần”. Hội đồng xét xử ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Thanh Hóa, để điều tra làm rõ các nội dung về việc khuyết tật của Nguyễn Văn S và xác định “tình trạng tâm thần, khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của bị cáo Nguyễn Văn S trước, trong và sau thời điểm phạm tội ngày 23/7/2025.

Quá trình điều tra bổ sung, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Thanh Hóa thu thập được các tài liệu liên quan xác định được: bị cáo Nguyễn Văn S bị tai nạn giao thông vào năm 2013, năm 2015 Ủy ban nhân dân xã Na Mèo xác nhận Nguyễn Văn S bị “khuyết tật nặng” và được hưởng chế độ trợ cấp khuyết tật từ 2015 đến nay.

Ngày 25/12/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định trưng cầu giám định số C2472/QĐ-VPCQCSĐT và gửi đối tượng Nguyễn Văn S đi giám định pháp y để xác định về việc: *“Tại thời điểm trước, trong và sau khi thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy cùng với 03 đồng bọn khác thì Nguyễn Văn S có bị bệnh tâm thần không, loại bệnh gì và xác định khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của Nguyễn Văn S”* tại Phân viện Pháp y tâm thần Bắc Miền Trung, thuộc Viện pháp y tâm thần Trung Ương.

Ngày 30/12/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa ra Quyết định tách vụ án hình sự số C2526/QĐ-VPCQCSĐT để tách hành vi của Nguyễn Văn S, để tiếp tục điều tra bổ sung và giữ nguyên đề nghị truy tố đối với bị can Lò Văn T2, Vi Văn H, Vi Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung các năm 2017, 2025) bằng một vụ án khác.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần số 06/KLGD ngày 10/02/2026 của Phân viện Pháp y tâm thần Bắc Miền Trung, kết luận:

“- Tại các thời điểm trước, trong và sau khi thực hiện hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy vào ngày 23/7/2025, Nguyễn Văn S bị bệnh Rối loạn khí sắc (cảm xúc) thực tồn; theo Phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 (ICD 10), mã bệnh là: F06.3 (Bệnh có rối loạn cảm xúc mức độ nhẹ)

...

- Tại tất cả thời điểm nêu trên, bị can Nguyễn Văn S đủ khả năng nhận thức nhưng hạn chế khả năng điều khiển hành vi”

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ thu thập được, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận Nguyễn Văn S có năng lực trách nhiệm hình sự, do vậy, giữ nguyên nội dung đề nghị truy tố đối với Nguyễn Văn S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như Bản kết luận điều tra vụ án hình sự đề nghị truy tố số C48/BKL-VPCQCSĐT ngày 14/10/2025.

*** Về vấn đề khác:**

Trong vụ án, còn có các bị cáo Vi Văn T, Lò Văn T2 và Vi Văn H là đồng phạm với bị cáo Sơn với vai trò là người giúp sức, người thực hành tích cực. Tuy nhiên, hành vi của các bị cáo Vi Văn T, Lò Văn T2 và Vi Văn H đã bị Tòa án xét xử trong vụ án khác.

*** Vật chứng của vụ án thu giữ đang được quản lý tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Thanh Hóa chờ xử lý theo quy định, gồm:**

- Toàn bộ vỏ bao gói mở niêm phong và 27 (hai bảy) viên nén màu hồng, bề mặt mỗi viên in chữ WY có tổng khối lượng là 2,692g (hai phẩy sáu chín hai

gam). Tất cả được đựng trong một phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký, ghi rõ họ tên Lê Minh Tiến, Lê Bá Tình và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS: 36BH-000.02, màu sơn: Đỏ - bạc, nhãn hiệu: HONDA Wave Alpha; số máy: JA39E3178639, số khung: RLHJA3929PY539929, xe đã qua sử dụng.

- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max màu đen, đã qua sử dụng, số máy: MWF12CH/A, số sê-ri: FCJCD1WHN70C, số IMEI1: 353893106056535, số IMEI2: 353893106196604, kèm theo 01 thẻ sim ghi số 8401240712307938 của Lò Văn T2; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 13, màu hồng, đã qua sử dụng, số máy: MLA73LL/A, số seri: G6XC70JJ9L, số imei1: 358265582340284, số imei2: 358265582191661, kèm theo 01 thẻ sim ghi số 8984048000917224956 của Vi Văn T; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu REDMI A2+, kiểu máy: 23028RNCAG, đã qua sử dụng, số IMEI1: 860184073449283, số IMEI2: 860184073449291, kèm theo 01 thẻ sim ghi số 8984048000023648515 của Nguyễn Văn S. Tất cả được đựng trong 01 túi niêm phong ký hiệu PS2 2011418, có chữ KLGD số 3341/KL-KTHS ngày 05/9/2025 được dán kín, niêm phong bởi các hình dấu tròn màu đỏ có nội dung: “Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hóa” và các chữ ký đứng tên Trần Thị Hồng, Đỗ Viết Tâm.

Tại bản Cáo trạng số: 05/CT-VKSKV11 ngày 02/3/2026 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Tại Cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm bị cáo Nguyễn Văn S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về trách nhiệm hình sự đề nghị:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm p, q, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn S** mức án tù 40 tháng tù đến 45 tháng tù.

* Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước điện thoại di động kèm theo số thuế bao của bị cáo Nguyễn Văn S.

* Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Về án phí: đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh cũng như điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là người khuyết tật, bị hạn chế khả năng điều khiển hành vi. Do bị cáo là người khuyết tật, sinh sống ở vùng kinh tế, xã hội còn nhiều khó khăn, tuổi đời còn trẻ, nhận thức pháp luật còn hạn chế, nhân thân của bị cáo tốt. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng khoan hồng của pháp luật để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo mức án từ 36 tháng tù đến 40 tháng tù.

Bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp cho bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Lời nói sau cùng, bị cáo nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đối với các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Lời khai báo của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 12 giờ 00 phút, ngày 23/7/2025, Nguyễn Văn S có nhu cầu sử dụng ma túy nhưng không biết chỗ mua, đã gọi điện thoại bằng ứng dụng Messenger cho bạn của mình là Vi Văn T để nhờ T mua giúp. Khi đó T không có mặt tại địa phương nên không đi mua giúp Sơn được, nên đã gọi bằng ứng dụng Messenger cho Lò Văn T2 để nhờ T2 mua ma túy giúp Nguyễn Văn S thì được T2 đồng ý. Sau khi trao đổi, T, T2 và Sơn thống nhất: Sơn mang 500.000 đồng ra ngã ba đường giao nhau giữa Quốc lộ 217 và đường vào bản Bo Hiêng, xã Na Mèo đưa cho T2 đi mua ma túy. T2 rủ thêm Vi Văn H cùng đi nhận tiền và mua ma túy với mình thì H đồng ý. T2 đèo H đến ngã ba Bo Hiêng nhận tiền của Sơn rồi đi lên đường mòn biên giới Việt Nam - Lào, thuộc bản Cha Khót, xã Na Mèo, tỉnh Thanh Hóa rồi để xe lại ven đường và cùng đi bộ sang địa phận nước Lào mua được 01 gói ma túy hồng phiến, gồm 30 viên nén màu hồng, bề mặt mỗi viên in chữ WY. Sau khi mua được ma túy, T2 và H mang ma túy đi về phía Việt Nam rồi bỏ ma túy vào cốp xe của Lò Văn T2 và đi về. Đi được một đoạn thì gặp Tổ công tác của Công an xã Na Mèo kiểm tra hành chính và bị bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ trong cốp xe 01 túi nilon màu trắng, bên trong chứa 30 viên nén màu hồng, bề mặt mỗi viên in chữ WY. Qua giám định đã xác định 30 viên nén màu hồng là ma túy loại Methamphetamine có tổng khối

lượng 2,987g.

Hành vi tàng trữ 2,987g ma túy Methamphetamine của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Thanh Hóa truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đây là vụ án có tính chất nghiêm trọng, bởi hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về chất ma túy, là vấn đề đang được Nhà nước, xã hội rất quan tâm và trở nên nhức nhối trong toàn xã hội, ma túy đã đẩy nhiều người, nhiều gia đình, nhiều thế hệ vào vòng lao lý, làm xói mòn về đạo đức, làm suy thoái về giống nòi, là nguyên nhân dẫn tới làm phát sinh nhiều tội phạm khác. Bản thân bị cáo tuổi còn trẻ, chưa lập gia đình nhưng vẫn ham chơi, lêu lổng, a dua, đua đòi nên đã tìm đến ma túy để tìm cảm giác lạ, thỏa mãn cho bản thân. Vì vậy, cần có đường lối xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

Xét vị trí, vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Theo đó, bị cáo Nguyễn Văn S là người khởi xướng, liên lạc với T và được T nhờ T2 đi mua ma túy, cung cấp tiền 500.000 đồng cho T2 nên giữ vai trò thứ nhất. Bị cáo T mặc dù không ở địa phương nhưng chủ động liên hệ với T2, giúp Sơn đạt được mục đích mua ma túy; bị cáo T2 và H sau khi biết T nhờ mua ma túy đã trực tiếp nhận tiền từ Sơn đi mua ma túy nên các bị cáo T, Hoạt, T giữ vai trò giúp sức, thực hành tích cực.

[4]. Xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo là người khuyết tật nặng, đang được hưởng trợ cấp xã hội; bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng điều khiển hành vi của mình nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p, q, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội nên cần cân nhắc khi quyết định hình phạt.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có thể được xem xét để được Tòa án quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo là người khởi xướng, giữ vai trò thứ nhất về loại tội phạm ma túy với tính chất rất nghiêm trọng. Trong giai đoạn tình hình tội phạm về ma túy hiện nay đang diễn biến ngày càng tinh vi,

phức tạp, trở hóa đối tượng nên Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025, theo đó đã nâng mức khởi điểm về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy từ 01 năm tù (*từ 01 năm đến 05 năm tù*) lên 03 năm tù (*từ 03 năm đến 05 năm tù*). Hơn nữa, lượng ma túy bị cáo đã thực hiện (2,987 gam) lớn gấp gần 30 lần so với lượng ma túy khởi điểm (0,1 gam). Do vậy, để đảm bảo công tác đấu tranh, phòng ngừa với loại tội phạm ma túy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn S.

[5]. Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy cần lên cho bị cáo mức hình phạt nghiêm, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

[6]. Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Xét thấy, bị cáo không có công việc, thu nhập không ổn định, lại đang thuộc diện hưởng trợ cấp xã hội nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7]. Đối với người có liên quan trong vụ án gồm:

Trong vụ án, còn có đồng phạm khác của bị cáo là Vi Văn T, Lò Văn T2 và Vi Văn H. Hành vi của các bị cáo Vi Văn T, Lò Văn T2 và Vi Văn H đã bị Tòa án xét xử bằng một Bản án theo quy định pháp luật.

[8]. Về xử lý vật chứng:

Đối với các vật chứng là: Lượng ma túy còn lại sau giám định; điện thoại di động kèm theo số thuê bao của các bị cáo Lò Văn T2, Vi Văn T; xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS: 36BH-000.02, màu sơn: Đỏ - bạc, nhãn hiệu: HONDA Wave Alpha; số máy: JA39E3178639, số khung: RLHJA3929PY539929, xe đã qua sử dụng. Các vật chứng trên đã được xử lý theo quy định pháp luật tại Bản án số 04/HS-ST ngày 09/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Thanh Hóa, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với điện thoại di động kèm theo số thuê bao của Nguyễn Văn S là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu bán phát mại sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

[9]. Về án phí: bị cáo là người khuyết tật và có đề nghị miễn án phí nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm p, q, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 đối với bị cáo.

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S 42 (bốn mươi hai) tháng tù, được trừ đi thời hạn tạm giam từ 29/7/2025 đến ngày 12/01/2026. Thời hạn chấp hành hình phạt tù

tính từ ngày 10/02/2026.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu bán phát mại sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu REDMI A2+, kiểu máy: 23028RNCAG, đã qua sử dụng, số IMEI1: 860184073449283, số IMEI2: 860184073449291, kèm theo 01 thẻ sim ghi số 8984048000023648515 của Nguyễn Văn S.

Đặc điểm vật chứng nêu trên hiện đang được quản lý tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Thanh Hóa, theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - Thanh Hóa ngày 05/11/2025.

Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Về quyền kháng cáo: căn cứ vào các Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 11 - Thanh Hóa;
- Phân trại tạm giam khu vực Quan Hóa;
- Phòng THADS KV 11;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Tùng